

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU**  
**Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư y tế**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày /01/2024 của Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ)*

Tên nhà thầu: Công ty TNHH Kiến Tạo  
Địa chỉ: 41 Xuân Thủy, P.Quang Trung, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định  
Điện thoại: 0256.3502116

| TT | MSBT | Mã phần lô                      | Tên phần (lô)         | Tên thương mại                                                            | Quy cách kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách đóng gói | Số lưu hành hoặc số GPNK            | Hãng SX; Nước Sản xuất                                      | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá trúng thầu (đồng) | Thành tiền (đồng) | Mã VTYT theo quy định tại Quyết định số 5086/QĐ- BYT |
|----|------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|
| 1  | VT3  | PP2300471 912                   | Băng chỉ thị nhiệt độ | Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 18mm x 55m | * Kích thước: 18mm x 55m, lớp keo có độ dính cao, co giãn tốt, chịu nhiệt độ cao, chuyển màu sau khi tiệt trùng                                                                                                                                                             | Gói/1cuộn         | 220002577/P CBA-HN                  | Nantong Fuhua Medical Packing Co., Ltd; Trung Quốc          | Cuộn        | 10       | 68.000                    | 680.000           | N08.00.030.5036 .279.0003                            |
| 2  | VT20 | PP2300471 929                   | Kim chọc dò tủy sống  | Kim chọc dò tủy sống dùng 1 lần số 25                                     | Số 25G, dài 90mm.<br>* Chất liệu: Thép không rỉ<br>* 3 mặt vát sắc bén. Chuôi kim có lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra.<br>* Sản phẩm được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi.                                                    | Hộp 50 cái        | 02/2023/MT D-PL                     | Zhejiang Runqiang Medical Instruments Co.,Ltd. - Trung Quốc | Cái         | 100      | 13.900                    | 1.390.000         | N03.03.070.6326 .279.0001                            |
| 3  | VT38 | PP2300471 947                   | Phim X-quang          | Phim X-quang khô laser Konica SD-Q2 cỡ 8 x 10 inch (20 x 25cm);           | * Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET)<br>* Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, gelatine 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-1%.Kích thước (8x10) inch tương đương (20x25)cm | Hộp/125 tấm       | 220002551/P CBA-HCM ngày 13/12/2022 | Konica Minolta, Nhật Bản                                    | Tấm         | 20.000   | 17.300                    | 346.000.000       | N07.01.500.2753 .232.0004                            |
| 4  | VT9  | PP2300471 918                   | Dây máy điện châm     | Dây máy điện châm                                                         | * Chất liệu bằng nhựa, bọc kim loại<br>* Phù hợp với máy điện châm 6 kênh đầu ra                                                                                                                                                                                            | Bì/1 dây          | 220000541/P CBB-HN                  | Greatwall - Trung Quốc                                      | Dây         | 50       | 42.000                    | 2.100.000         |                                                      |
|    |      | <b>Danh mục gồm 04 mặt hàng</b> |                       |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   |                                     | <b>Tổng giá trị:</b>                                        |             |          | <b>350.170.000</b>        |                   |                                                      |